TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2025/DS - ST
Ngày: 05/9/2025
V/v ***"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông **Lê Văn Thành.**
2/ Ông **Nguyễn Văn Mến.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024. Về *"tranh* chấp *hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025. Giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C,** sinh ngày 02/9/1972
Căn cước số 092072008703 cấp ngày 05/7/2024.
Địa chỉ: ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ (Nay là ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ). SĐT 0938 119 090
Đại diện theo ủy quyền: (Hợp đồng ủy quyền ngày 11/11/2024)
- Ông **Nguyễn Vũ P,** sinh năm 1992
Địa chỉ: ấp Cái Đôi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở: số 90, đường số 3, khu nhà ở C, khu vực 3, phường T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt
- Bà **Huỳnh Yến D,** sinh năm 2000
Địa chỉ: ấp H, phường H, tỉnh Cà Mau. SĐT 0826 234 121. Có mặt

2/ Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Minh T,** sinh ngày 24/3/1992.
CCCD số 092192002804 cấp ngày 07/5/2021.
Địa chỉ: D, khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2024 và bản tự khai đại diện của nguyên đơn Lê Văn C trình bày:

Vào ngày 12/4/2023 ông Lê Văn C có cho bà Nguyễn Ngọc Minh T vay tài sản với số tiền là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) có ký "Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm" được chứng thực tại văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc L vào ngày 12/4/2023, số công chứng 726, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo hợp đồng thì thời gian vay là 10 ngày, có thỏa thuận về lãi suất theo qui định của pháp luật. Mục đích vay của bà Nguyễn Ngọc Minh T để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cùng ngày bà Nguyễn Ngọc Minh T đã nhận đủ tiền và ký xác nhận với ông Lê Văn C tại Biên nhận vay tiền ngày 12/4/2023.

Đến thời hạn trả nợ, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng không có kết quả, bị đơn không nghe máy, cố tình né tránh. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ gốc là **350.000.000 đồng** (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 12/4/2023 đến ngày Tòa án xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà Nguyễn Ngọc Minh T đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào các ngày 15/01/2025 và ngày 22/7/2025 nhưng bà Nguyễn Ngọc Minh T vẫn vắng mặt mà không có lý do (BL 29, 47). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc là **350.000.000 đồng** (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 12/4/2023 đến ngày Tòa án xét xử; Yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Bị đơn Nguyễn Ngọc Minh T vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn. .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm được công chứng ngày 12/4/2023 bản gốc (BL 42-44) thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thoả thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thoả thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Ngọc Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị

đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ Kết quả xác minh ngày 14/3/2025 của Công an phường B (nay là phường C) thì bà Nguyễn Ngọc Minh T có đăng ký thường trú tại địa phương và hiện vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng không thường xuyên (BL 39). Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần bà Nguyễn Ngọc Minh T đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, theo Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ những chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về số nợ gốc, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn luôn vắng mặt, song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm được công chứng ngày 12/4/2023 bản gốc (BL 42-44) do phía nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), có chữ ký xác nhận của bị đơn và được công chứng số 726, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng C1. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp thêm bản gốc Biên nhận vay tiền ngày 12/4/2023 (BL 45) chứng minh việc giao nhận tiền giữa hai bên. Cho nên đủ cơ sở kết luận bà Nguyễn Ngọc Minh T có vay và nợ nguyên đơn số tiền như trên. Phía bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Nên yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền **350.000.000 đồng** (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất: căn cứ bản gốc Biên nhận vay tiền ngày 12/4/2023 (BL 45) ngoài việc chứng minh bị đơn đã nhận đủ tiền vay theo Hợp đồng; còn thể hiện việc thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày từ ngày 12/4/2023 và lãi suất do hai bên thỏa thuận theo qui định của pháp luật. Nên xem đây là trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi theo Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Trường hợp này lãi suất theo qui định là 10%/năm (tức 0,83%/tháng) theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả các khoản lãi bao gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn và Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất cố định 10%/năm từ khi nhận tiền vay đến khi xét xử là có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ ngày nhận vay tiền 12/4/2023 đến ngày xét xử 05/9/2025 là **28 tháng 24 ngày**. Nên số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là:

350.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 28 tháng 24 ngày = **83.663.200 đồng** (Tám mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm đồng).

[6] Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn Nguyễn Ngọc Minh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lê Văn C tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 350.000.000 đồng + 83.663.200 đồng = **433.663.200 đồng** (Bốn trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm đồng).

Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn Lê Văn C được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp và bị đơn Nguyễn Ngọc Minh T phải chịu toàn bộ án phí là 20.000.000 đồng + 4%(433.663.200 đồng – 400.000.000 đồng) = **21.346.500 đồng** (Hai mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 207, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Điều 463, 466, 470, 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của ông Lê Văn C. Buộc bà **Nguyễn Ngọc Minh T** có nghĩa vụ trả cho ông **Lê Văn C** số nợ gốc 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi 83.663.200 đồng (Tám mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm đồng), tổng cộng là **433.663.200 đồng** (Bốn trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn **Nguyễn Ngọc Minh T** phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là **21.346.500 đồng** (Hai mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

- Nguyên đơn **Lê Văn C** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **10.084.000 đồng** (Mười triệu, không trăm tám mươi tư nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003945 ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ).

3/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ.
- VKSND KV3-Cần Thơ.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Mỹ Nhung